

SMART3D

Trực thuộc CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NAM SƠN

MST: 302802539 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/09/2002

- Trụ Sở: 51-53 Phố Quang, P.2, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- VP Hà Nội: 64 Phố Trúc Khê, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội

Under the management of NAM SON TECHNOLOGY ENGINEERING CO., LTD

Business Registration Number: 302802539

Issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on September 12, 2002

- Head Office: 51-53 Pho Quang Street, Ward 2, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
- Hanoi Office: 64 Truc Khe Street, Lang Ha Ward, Dong Da District, Hanoi

Hotline: 0909.961.535

Website: www.smart3d.vn

Email: info@namson.com.vn

Quét ngay để tìm hiểu về Smart3D [Scan now to learn about Smart3D]



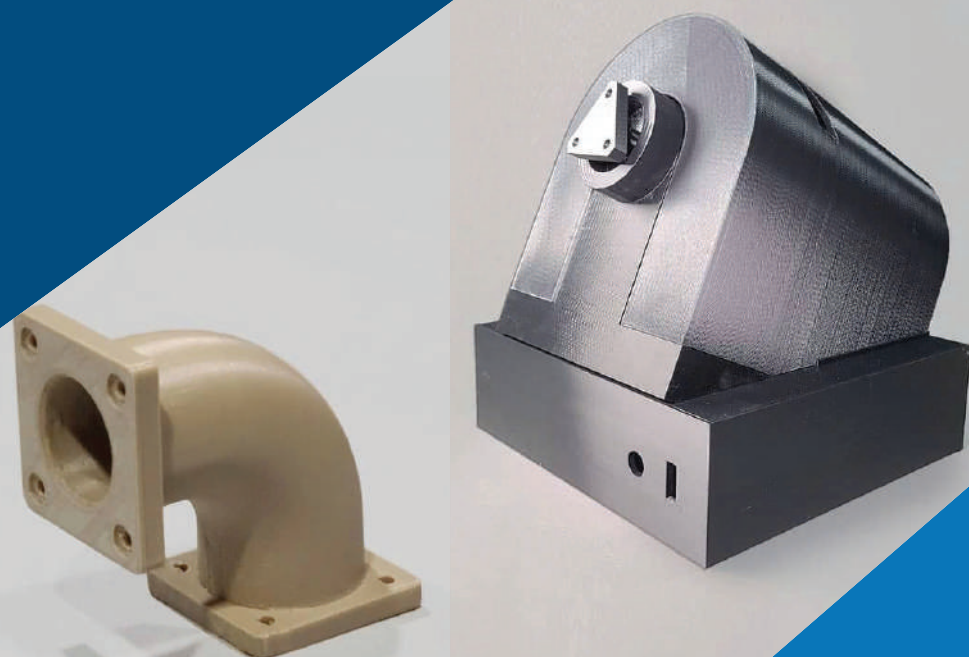
smart **3D**
3D Technology

LINC SOLUTION



MÁY IN 3D NHỰA KỸ THUẬT LINK EP-300/500

Material Extrusion | Engineering Plastics 3D Printer EP - 500



PHẦN CỨNG

HỆ THỐNG MÁY IN 3D HOÀN CHỈNH TỐI ƯU CHO NHỰA KỸ THUẬT CAO CẤP

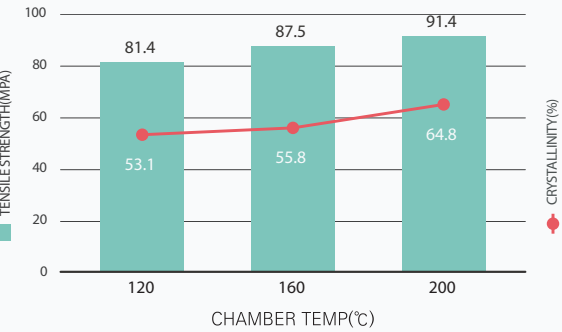
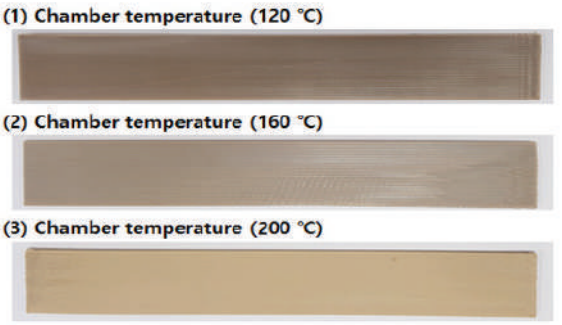
HARDWARE | A complete 3D printer system optimized for super engineering plastic outputs

Buồng in có thể đạt đến 250°C và đầu phun đạt đến 510°C, cho phép in các loại nhựa kỹ thuật cao như PEEK với độ chính xác ±0.05 mm.

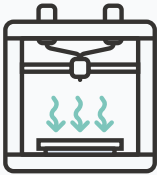
The mechanical properties of super engineering plastics are optimized by using a chamber capable of reaching 250 °C and a nozzle capable of reaching 510 °C. Objects can be produced with a precision of up to ± 0.05 mm



Buồng in nhiệt độ cao
High Temperature Chamber

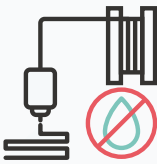


Tăng độ cứng trục Z và cải thiện độ kết tinh của vật liệu, giúp đạt được độ bền kéo tối ưu cho PEEK
PEEK strength achieved based on the chamber temperature



Hệ thống bàn hút chân không
Vacuum Bed System

Giúp tháo gỡ sản phẩm sau in dễ dàng mà không gây hư hại.
Vacuum bed technology facilitates part removal without damage



Hệ thống cấp liệu tự động có chức năng sấy
Automatic Dry Material Feed System

Ngăn ngừa hiện tượng tạo bọt do độ ẩm trong quá trình in và tránh làm yếu hoặc gãy vật liệu sau khi in, cho phép lưu trữ vật liệu in lâu hơn mà không bị biến dạng.
Automatic drying function added to the material feed system to prevent bubbles caused by moisture during printing and strength and material breakage after printing, allowing printed materials to be stored for longer without deformation

VẬT LIỆU & ỨNG DỤNG

TÙY CHỈNH VẬT LIỆU VÀ DỊCH VỤ BẢO TRÌ HIỆU QUẢ

MATERIAL | Customized materials and efficient maintenance service

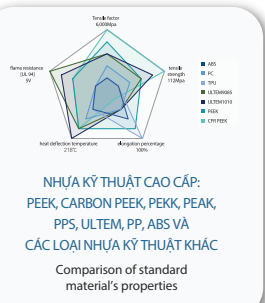
Cho phép sử dụng đa dạng vật liệu từ ABS đến PEEK, giảm chi phí vận hành và cung cấp sự linh hoạt cho người dùng.



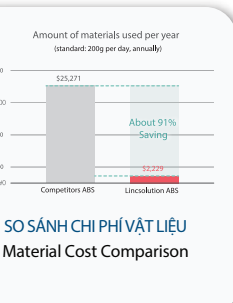
This product is equipped with an open interface so that any material, from ABS to PEEK, can be used, reducing operating costs and giving users the freedom to print according to their specifications



HỆ THỐNG MỞ
Material Agnostic
Cho phép sử dụng đa dạng vật liệu
Users are not limited to using specific print materials



CHI PHÍ BẢO TRÌ THẤP
Low Maintenance Costs
Khả năng sử dụng nhiều loại vật liệu giúp vận hành và quản lý dễ dàng.
The printer's ability to use a wide range of materials makes it convenient to operate and manage.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT [SPEC]	LINK EP-300	LINK EP-500
Loại máy in [Printer Type]	In sợi nhựa nóng chảy (FFF) [Fused Filament Fabrication (FFF)]	
Kích thước tổng thể [Dimensions]	1190 X 850 X 1525 mm	1467 X 1090 X 1900 mm
Khối lượng [Weight]	250 Kg	700 Kg
Kích thước in [Build Size]	300 X 300 X 300 mm	500 X 500 X 500 mm
Cấu tạo đầu phun [Nozzle Type]	Đầu phun đôi LINK – HP Extruder [LINK - HP Extruder Dual Nozzle]	
Hệ thống điều khiển đầu phun [Filament Control System]	Tự cân bằng [Self-loading Filament]	
Hệ thống bàn in [Plate System]	Bàn hút chân không [Vacuum Bed System]	
Độ phân giải lớp in [Layer Resolution]	0.05 mm đến 0.35 mm [0.05 mm to 0.35 mm]	
Đường kính đầu phun [Nozzle Diameter]	0.4 mm	
Nhiệt độ tối đa đầu phun [Maximum Nozzle Temperature]	Lên đến 510 °C [up to 510 °C]	
Nhiệt độ tối đa buồng in [Maximum Chamber Temperature]	Lên đến 250 °C [up to 250 °C]	
Hệ thống giữ nhiệt buồng in [Chamber Heat-preserving System]	±5 °C	
Độ chính xác [Accuracy]	± 0.1/100 mm	
Tốc độ in [Print Speed]	2500 mm/min	
Vật liệu in [Materials]	PEEK, PEEK CFR(Carbon), PPS, ULTEM, 9085, Bio PC, PEI, PLA, ABS và các loại polymer chịu nhiệt cao khác [PEEK, PEEK-CFR(Carbon), PPS, ULTEM, 9085, Bio-PC, PP, ABS and other high temperature polymers]	
Hỗ trợ [Support]	Hỗ trợ làm nóng giường in và bộ hỗ trợ nước [Part Break & Water-soluble Support]	
Định dạng dữ liệu [Input Data File]	OBJ, STL	
Nguồn điện đầu vào [Input Power]	3-phase 4-wire, AC 380V 10kW	3-phase 4-wire, AC 380V 20kW
Chứng nhận [Certifications]	KC, CE	